

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào hồ sơ vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 631/HNST ngày 05 tháng 7 năm 2017, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Lê Thị Thu T, sinh năm 1984

Bị đơn: Ông Phan Nhật U, sinh năm 1977

Cùng địa chỉ: Số nhà 133/3/5, đường D, Phường E, thành phố U, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 55, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 31 tháng 7 năm 2017

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 31 tháng 7 năm 2017 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 (bảy) ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Bà Lê Thị Thu T và ông Phan Nhật U.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Lê Thị Thu T và ông Phan Nhật U thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Bà Lê Thị Thu T và ông Phan Nhật U có 02 con chung là Phan Lê Gia B, sinh ngày 29/10/2010 và Phan Lê Gia A, sinh ngày 10/4/2012. Bà T và ông U thỏa thuận, ông U được quyền trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung, bà T không phải cấp dưỡng tiền nuôi con. Bà T được quyền thăm, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được cản trở.

Sau khi ly hôn, vì lợi ích của con; cha, mẹ hoặc cá nhân tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 có quyền yêu cầu

thay đổi người trực tiếp nuôi con. Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

- Về tài sản chung, nợ chung: Bà Lê Thị Thu T và ông Phan Nhật U không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về án phí: Bà Lê Thị Thu T và ông Phan Nhật U mỗi người phải nộp 75.000đ (Bảy mươi lăm ngàn đồng) tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm nhưng bà T tự nguyện nộp thay cho ông U. Khấu trừ 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) tiền tạm ứng án phí bà T đã nộp theo biên lai thu số 0004761 ngày 05 tháng 7 năm 2017, tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Vũng Tàu, bà T được hoàn lại 150.000đ (Một trăm năm mươi ngàn đồng) tiền tạm ứng án phí.

4. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh BR-VT;
- VKSND Tp. Vũng Tàu;
- Chi cục THADS Tp. Vũng Tàu;
- UBND Phường E, TP. Vũng Tàu;
- Các đương sự;
- Lưu: Văn thư, hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Phạm Thị Hiếu